Sử dụng chỉ số trong các dự án do các tổ chức Liên hợp quốc tài trợ cho Việt Nam

ThS. TRIỆU ĐỖ KIÊN
Vụ Kinh tế đối ngoại,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật (TA), việc sử dụng các phương pháp như giá trị hiện tại thuần (NPV), suất thu lợi nội tại (IRR), thời hạn hoàn vốn hoặc tỷ suất lợi nhuận trên chi phí... khó có thể áp dụng. Do vậy, có thể tìm các phương pháp khác để đánh giá thành quả dự án cũng như chứng tỏ một cách thuyết phục cho các bên liên quan về tính hiệu quả, thành công của dự án là rất cần thiết. Sử dụng chỉ số là một trong các cách thức chuẩn để xác định thành quả của dự án vì chỉ số là con số thực tế chỉ ra mức độ thành công của dự án.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về các chỉ số.[1] Nhìn chung, chỉ số được sử dụng để đo đếm thành công của dự án phát triển. Các chỉ số này đo đếm sự thay đổi và/hoặc kết quả của các hoạt động hoặc can thiệp. Chỉ số là những điểm, con số, thực tế, quan điểm khách quan được sử dụng để đánh giá mức độ thực hiện của dự án hoặc đánh giá các bên tham gia dự án phát triển. Chỉ số cung cấp cho ta biết những thay đổi hiện tại, nhưng lại không cho biết những lý do vì sao và như thế nào cũng như chúng ta sẽ phải làm gì.

Các dự án phát triển cần xây dựng bộ chỉ số theo dõi và đánh giá, tuy nhiên "việc xây dựng chỉ số kém, chỉ số không phù hợp và/hoặc không thực tiễn vẫn thường xuyên được nhắc. Nếu việc lựa chọn và sử dụng chỉ số được cải thiện, công tác theo dõi và đánh giá tiến độ dự án sẽ rõ ràng và tập trung hơn, cũng như có được các kết quả thuyết phục cho cơ quan thực hiện và nhà tài trợ"[2].

Trên thực tế có rất nhiều chỉ số sử dụng trong dự án, như trường hợp của Chilê với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới, khi xây dựng hệ thống chỉ số dự án, một danh sách gồm hơn 2000 chỉ số đã được lập ra. Việc thực thi trở thành điều không tưởng, vì chỉ việc thu thập định kỳ đủ số liệu để tính các chỉ số này các dự án sẽ không còn thời gian cho công việc khác.

Do vậy, để khắc phục những hạn chế đó, trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào chỉ số đánh giá thành quả dự án - phương thức khách quan để chỉ ra mức độ hiệu quả của việc dự án sử dụng các nguồn lực, mức độ chi phí cũng như so sánh hoạt động của các dự án khác nhau và mức độ thành công của một dự án với các dự án khác, các so sánh qua các thời kỳ khác nhau để chỉ ra các hoạt động tốt và không tốt của các dự án.

Để đánh giá việc sử dụng chỉ số của hệ thống các tổ chức thuộc Liên hợp quốc (UN), tác giả đã tiến hành khảo sát 40 dự án của

Hình 1: **CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ**

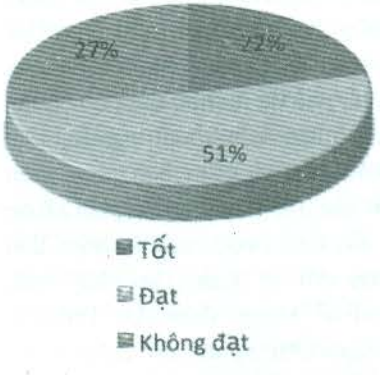

Hình 3: **SỐ LƯỢNG CHỈ SỐ**

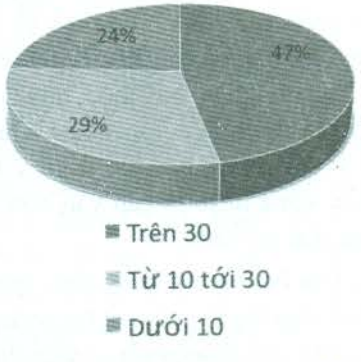

Hình 2: **SỬ DỤNG CHỈ SỐ TRONG BÁO CÁO**

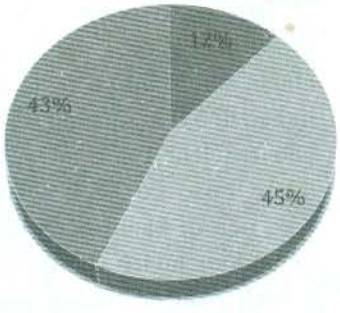

Nguồn: Khảo sát 40 dự án do UN tài trợ

các tổ chức khác nhau (UNDP, UNICEF, UNFPA, ILO, FAO, IFAD...) thông qua nghiên cứu các văn kiện dự án và các báo cáo của các dự án. Qua nghiên cứu, hầu hết các dự án có xây dựng bộ chỉ số đánh giá trong văn kiện dự án, chỉ có hai dự án không xây dựng hệ thống chỉ số, nhưng vì chúng có giá trị rất nhỏ nên sẽ được loại bỏ trong các phân tích tiếp sau và không làm ảnh hưởng đến độ tin cậy của các tính toán.

Tiếp đến xem xét chất lượng của chỉ số trong văn kiện dự án. Việc đánh giá chất lượng chỉ số dựa trên những chấp nhận chung về một chỉ số tốt đó là SMART [3]. Bên cạnh đó, các đối tác phát triển nói chung cũng như các cơ quan UN nói riêng chỉ cho giám sát và đánh giá rất hạn chế như được nêu trong Khuôn khổ hỗ trợ phát triển của Liên hợp quốc (UNDAF) (Hệ thống giám sát và đánh giá cần cung cấp thông tin cập nhật và tin cậy... Tuy nhiên, theo dõi và đánh giá không được chuyển nguồn lực tài chính và con người khỏi những nhiệm vụ phát triển chính của UNDAF và các chương trình quốc gia[4]).

Với các tiêu chí như trên, các chỉ số trong các dự án được phân thành ba loại là tốt, đạt và không đạt. Kết quả khảo sát được minh họa trong hình 1.

Việc sử dụng đầy dủ các chỉ số là nhân tố rất quan trọng để theo dõi và đánh giá hiệu quả dự án. Nhưng trên thực tế nhiều trường hợp bộ chỉ số đã được xây dựng rất tốt trong văn kiện dự án, lại không có được hoặc không được sử dụng một cách hợp lý. Để biết được việc sử dụng chỉ số trong các dự án của UN, tác giả đã tiến hành khảo sát việc sử dụng các chỉ số trong các báo cáo của dự án. Việc sử dụng các chỉ số trong báo cáo được phân thành ba mức: đạt, không đạt và không có số liệu. Kết quả khảo sát

Hình 4: **MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG CÁC CHỈ SỐ TRONG VĂN KIỆN DỰ ÁN**

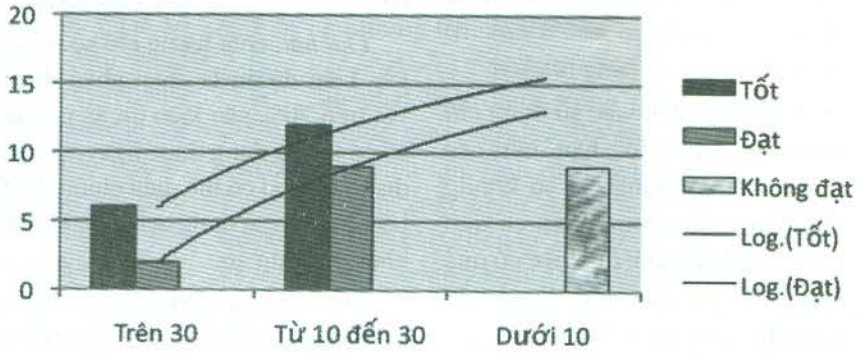

Hình 5: **MỐI LIÊN HỆ GIỮA SỐ LƯỢNG CHỈ SỐ VÀ VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHỈ SỐ NÀY**

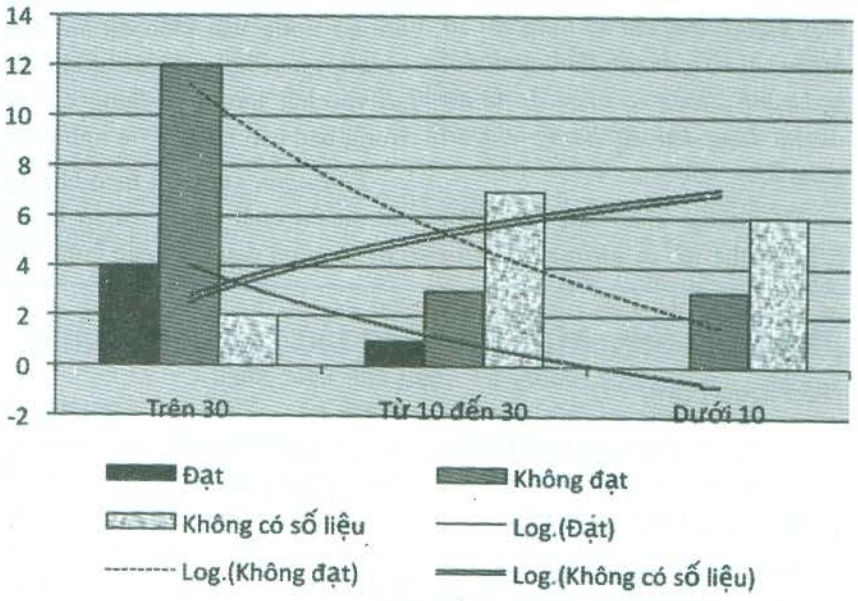

Nguồn: Khảo sát 40 dự án do UN tài trợ

minh được minh hoạ trong hình 2.

Kết quả khảo sát cho thấy có một số vấn đề về chỉ số thường xuất hiện trong giai đoạn xây dựng và thẩm định, các chỉ số tốt hơn đối với các giai đoạn về sau do chúng đã được xây dựng bởi các chuyên gia tư vấn và được xem xét trong các hội nghị thẩm định. Việc sử dụng chỉ số cần được cải thiện trong các bước tiếp theo trong chu kỳ dự án.

Tiếp tục xem xét số lượng chỉ số của các dự án do UN tài trợ, do số lượng chỉ số trong các dự án là khác nhau nên trong các dự án khảo sát, dự án phân thành ba nhóm: trên 30 chỉ số; từ 10 tới 30 chỉ số; và dưới 10 chỉ số. Kết quả khảo sát được thể hiện trong hình 3.

Trên cơ sở kết quả khảo sát về chất lượng chỉ số trong văn kiện dự án, sử dụng chỉ số trong các báo cáo và số lượng các chỉ số ở trên, tác giả tiếp tục tìm hiểu về mối quan hệ giữa số lượng chỉ số và chất lượng chỉ số trong văn kiện dự án cũng như sử dụng chỉ số trong các báo cáo.

Xem xét về xu hướng, có nhiều chỉ số trong văn kiện dự án cũng đi kèm với khả năng các chỉ số được sử dụng nhiều hơn trong các giai đoạn tiếp theo của chu kỳ dự án.

Có thể thấy *khi xây dựng văn kiện dự án, chuyên gia xây dựng dự án càng chi tiết đối với chỉ số thì số lượng chỉ số nhiều hơn và chất lượng chỉ số cũng tốt hơn.*

Liên quan đến việc sử dụng chỉ số trong báo cáo, hầu hết các trường hợp sử dụng chỉ số không hợp lý rơi vào nhóm dự án có trên 30 chỉ số. Bên cạnh đó, việc có quá nhiều chỉ số ở một mức độ nào đó gây khó cho cán bộ dự án.

Tuy nhiên, điều ngạc nhiên là khi xem xét mối quan hệ giữa sử dụng tốt các chỉ số và số lượng cho thấy *chất lượng chỉ số tăng khi số lượng chỉ số giảm đi. Bên cạnh đó, khả năng không có báo cáo từ dự án lại tăng khi số lượng chỉ số giảm đi.*

Từ những khảo sát và phân tích, có thể rút ra ***những kết quả chính*** sau:

Thứ nhất, hầu hết dự án của UN có bộ chỉ số trong văn kiện dự án.

Thứ hai, chất lượng chỉ số trong văn kiện dự án là chấp nhận được với trên 70% văn kiện dự án có chỉ số có thể sử dụng được ngay, số các dự án còn lại có thể điều chỉnh đảm bảo đưa vào sử dụng trong giai đoạn khởi động dự án.

Thứ ba, việc sử dụng chỉ số cho thấy đây là lĩnh vực cần chú ý quan tâm cải thiện thêm.

Thứ tư, có xu hướng tỷ lệ thuận giữa số lượng chỉ số và chất lượng chỉ số trong văn kiện dự án. Tuy nhiên, quan hệ giữa số lượng chỉ số và chất lượng sử dụng chỉ số trong báo cáo lại là tỷ lệ nghịch.

Thứ năm, xem xét theo chu kỳ dự án thì chất lượng và số lượng chỉ số giảm dần theo các bước của chu kỳ dự án. ❑

Tài liệu tham khảo:

1. Report on Consultative Workshop on Performance indicators for ICT in Education, UNESCO, 2002, page 27

2. www.undp.org

3. WB: How to build M&E System to Support Better Government, 2007, Keith Mackay, page 140

4. Strengthening project internal monitoring: How to enhance the roles of EC task manager, Jun 2007, page 11

5. European Commission, Project Cycle Management Guidelines, March 2004, page 81.

6. United Nations Development Assistance Framework for the Socialist Republic of Vietnam 2006-2010, page 11.

Phấn đấu thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng...

(tiếp theo trang 13)

thiện, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, hỗ trợ trẻ em nghèo tới trường, giúp đỡ đồng bào khó khăn...

Trải qua chặng đường nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tích cực của các các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương, sự phối hợp gắn bó với cơ quan đại diện, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên, quần chúng ở ngoài nước. Đảng uỷ Ngoài nước luôn quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng tình đoàn kết hữu nghị và làm cho hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước ngày càng được củng cố và phát triển; góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Với những thành tích đó, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng nhiều Huân chương và phần thưởng cao quý, trong đó có Huân chương Độc lập hạng Nhất và Huân chương Hồ Chí Minh cho Ban Cán sự Đảng ngoài nước nay là Đảng uỷ Ngoài nước.

Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống; mỗi cán bộ, đảng viên đã và đang làm công tác đảng ngoài nước luôn nhận thức sâu sắc tình hình và nhiệm vụ cách mạng nói chung, những thuận lợi, khó khăn, thách thức của công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng ở ngoài nước nói riêng. Xuất phát từ thực tiễn khách quan, cần làm rõ hơn về những vấn đề còn chưa hợp lý về mô hình tổ chức, phương thức lãnh đạo, sự phát triển tất yếu và yêu cầu xây dựng tổ chức đảng trong thời kỳ hội nhập, sự đa dạng của các tổ chức quần chúng, cộng đồng người Việt Nam ở ngoài nước; ngăn chặn sự lôi kéo, chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta.

Với chủ trương "Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" đang đặt ra cho công tác đảng ngoài nước phải không ngừng đổi mới, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, tự rèn luyện, đổi mới tác phong, phương pháp công tác, xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng ngoài nước ngày càng vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. ❑